

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành và bà Nguyễn Thị Băng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21/5/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1995 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 31/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N ghen tuông và nhiều lần đánh , chửi chị T. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả , chị T và anh N đã sống ly thân từ ngày 15/10/2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau . Nay chị T xác định tình cảm

vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30/01/2014, hiện nay đang sống cùng anh N và bố mẹ anh N. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đ và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị T cung cấp hợp đồng lao động mức thu nhập hàng tháng là 7.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng)

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N công nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ. Nay chị T xin ly hôn anh N không đồng ý ly hôn, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh N cũng đồng ý.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 30/01/2014, hiện đang ở cùng anh N và bố mẹ anh N, nếu ly hôn anh N có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn N cung cấp quyết định điều chỉnh thu nhập một tháng là 6.276.000đ (Sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Về tài sản và các khoản nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 31/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết anh chị đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có sự thông cảm trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng nhau. Chị T và anh N đã tìm nhiều biện pháp khắc phục và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, không quan

tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh N cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận. căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[3] *Về con chung*: Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30/01/2014, hiện đang sống cùng anh N và bố mẹ anh N. Chị T hiện đang thuê nhà tại thôn N, xã A, thành phố Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh N cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thành Đ và cả hai anh chị đều có thu nhập do đó cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên cháu Nguyễn Thành Đ hiện đang sống cùng anh N và bố mẹ anh N; để ổn định cuộc sống, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và học tập của cháu Đ nên giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30/01/2014, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005313 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 21/02/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND xã Âu Lâu, TP.Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Quang Trung